

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án “Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để cải thiện điểm số và nâng cao vị trí xếp hạng các chỉ số: PCI, PAPI, PAR INDEX, SIPAS và ICT INDEX của tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 - 2025”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 16 tháng 10 năm 2020 Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tây Ninh lần thứ XI nhiệm kỳ 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 26/01/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Tây Ninh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI về cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh tại Tờ trình số 4152/TTr-VP ngày 25 tháng 6 năm 2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để cải thiện điểm số và nâng cao vị trí xếp hạng các chỉ số: PCI, PAPI, PAR INDEX, SIPAS và ICT INDEX của tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 - 2025”.

(Có Đề án kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

1. Giao Văn phòng UBND tỉnh triển khai và theo dõi việc thực hiện Quyết định này.

2. Trước ngày 31/12 hàng năm, các sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện báo cáo UBND tỉnh tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Đề án này. Giao Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp báo cáo chung việc thực hiện Đề án của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *ng*

- Chính phủ;
- BCD.CCHC Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- TT:TU, HĐND tỉnh;
- UBNDTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Cục Thuế tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Viettel Tây Ninh, VNPT Tây Ninh;
- LĐVP;
- Các Phòng, ban, Trung tâm thuộc VP;
- Lưu: VT.VP UBND tỉnh.

(VAN) 5

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

kg **CHỦ TỊCH**
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Hùng

**ĐỀ ÁN**

Cải thiện điểm số và nâng cao vị trí xếp hạng đối với các Chỉ số: PCI, PAPI, PAR INDEX, SIPAS và ICT INDEX trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 1364/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Hiện nay, việc đánh giá nền hành chính của một địa phương, đánh giá sự hài lòng của Nhân dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính các cấp, đánh giá năng lực cạnh tranh và môi trường kinh doanh của một tỉnh...đều đã được các Bộ, ngành Trung ương hoặc các tổ chức quốc tế lượng hóa bởi các chỉ số như: PCI, PAPI, PAR INDEX, SIPAS và ICT INDEX...Tất cả các chỉ số này đều mang tính khách quan, khoa học, sát thực tế, kịp thời và bao quát được hầu hết những lĩnh vực quản lý nhà nước.

Bên cạnh đó, tác động của các chỉ số nêu trên đến phát triển kinh tế - xã hội, giải phóng sức sản xuất, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, phản ánh mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp với chính quyền các cấp trong giai đoạn vừa qua đã được thể hiện rất rõ nét, khách quan, trung thực. Bản thân các chỉ số được đánh giá bởi những cơ quan độc lập, có thẩm quyền, có uy tín và tin cậy đã làm cho công tác quản lý ở các cấp chính quyền địa phương được thuận lợi, dễ dàng hơn, cung cấp thông tin minh bạch, kịp thời cần thiết cho người đứng đầu các cấp chính quyền để từ đó đưa ra những quyết định chỉ đạo, điều hành, quản lý đúng đắn, chính xác nhằm khắc phục những hạn chế, phát huy những thành quả đã đạt được trong công tác phục vụ Nhân dân và Doanh nghiệp. Do vậy, việc cải thiện các chỉ số nêu trên sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đảm bảo thực hiện thắng lợi các mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội XI tỉnh Tây Ninh, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đặt ra.

Trong thời gian vừa qua (2016 - 2020), nhìn chung thứ hạng các chỉ số phản ánh nền hành chính của tỉnh ngày càng giảm so với các tỉnh, thành trên cả nước. Sự quan tâm, vào cuộc của các sở, ban ngành tỉnh, các địa phương và nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đối với tầm quan trọng của các chỉ số nêu trên còn nhiều hạn chế, chưa được quan tâm đúng mức.

Từ những lý do trên đây cho thấy cần thiết phải xây dựng một Đề án chuyên đề của tỉnh nhằm cải thiện điểm số và nâng cao vị trí xếp hạng đối với các Chỉ số: PCI, PAPI, PAR INDEX, SIPAS và ICT INDEX trên địa bàn tỉnh Tây Ninh trong giai đoạn 2021 - 2025.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**1. Căn cứ pháp lý**

- Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 16/10/2020 Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tây Ninh lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 – 2025.

- Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 26/01/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Tây Ninh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI về cải cách hành chính giai đoạn 2021 – 2025.

- Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 04/01/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2021.

- Các quy định, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương về các chỉ số PCI, PAPI, PAR INDEX, SIPAS và ICT INDEX.

2. Căn cứ thực tiễn

- Những kết quả và hạn chế, tồn tại trong các chỉ số PCI, PAPI, PAR INDEX, SIPAS và ICT INDEX của Tây Ninh giai đoạn 2016 - 2020.

- Những đòi hỏi thực tế của Nhân dân Tây Ninh đối với các cấp chính quyền tỉnh trong tình hình mới của giai đoạn 2021 - 2025.

III. TỔNG QUAN VỀ CHỈ SỐ PCI, PAPI, PAR INDEX, SIPAS, ICT INDEX VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

1. Tổng quan về các Chỉ số

a) Chỉ số PCI

Chỉ số PCI có tên gọi là Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh ở Việt Nam (viết tắt theo tên tiếng Anh là PCI), là chỉ số đánh giá và xếp hạng chính quyền các tỉnh, thành phố của Việt Nam về chất lượng điều hành kinh tế và xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi cho việc phát triển doanh nghiệp dân doanh. Để xây dựng bộ chỉ số này, mỗi năm có khoảng 10 nghìn doanh nghiệp dân doanh tham gia trả lời phiếu điều tra PCI với thang điểm 100 nhằm đánh giá và xếp hạng các tỉnh về chất lượng điều hành cấp tỉnh tại Việt Nam. Chỉ số PCI có tất cả 10 chỉ số thành phần sau và một địa phương được coi là có chất lượng điều hành tốt khi có:

- (1) Chi phí gia nhập thị trường thấp;
- (2) Tiếp cận đất đai dễ dàng và sử dụng đất ổn định;
- (3) Môi trường kinh doanh minh bạch và thông tin kinh doanh công khai;
- (4) Chi phí không chính thức thấp;
- (5) Thời gian thanh tra, kiểm tra và thực hiện các quy định, thủ tục hành chính nhanh chóng;
- (6) Môi trường cạnh tranh bình đẳng;
- (7) Chính quyền tỉnh năng động, sáng tạo trong giải quyết vấn đề cho doanh nghiệp;

- (8) Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, chất lượng cao;
- (9) Chính sách đào tạo lao động tốt;
- (10) Thủ tục giải quyết tranh chấp công bằng, hiệu quả và an ninh trật tự được duy trì.

Chỉ số PCI do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp cùng Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tại Việt Nam công bố hàng năm.

b) Chỉ số PAPI

Chỉ số PAPI có tên gọi là Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (viết tắt theo tên tiếng Anh là PAPI), là công cụ phản ánh tiếng nói của người dân về mức độ hiệu quả điều hành, quản lý nhà nước, thực thi chính sách và cung ứng dịch vụ công của chính quyền các cấp. Chỉ số PAPI là công cụ chính sách nhằm đo lường và theo dõi hiệu quả công tác quản trị, điều hành, của hệ thống hành chính nhà nước (bao gồm cả cung ứng dịch vụ công) của 63 tỉnh/thành phố ở Việt Nam dựa trên trải nghiệm và cảm nhận của người dân.

Chỉ số PAPI được thực hiện bằng cách lấy mẫu phỏng vấn trực tiếp người dân tại 63 tỉnh, thành phố của Việt Nam, sau đó tính điểm cụ thể và xếp hạng theo 04 nhóm là cao nhất, trung bình cao, trung bình thấp và thấp nhất. Tổng điểm tối đa của PAPI là 80 điểm chia đều cho 08 tiêu chí. PAPI bao gồm 8 tiêu chí, 28 nội dung thành phần, hơn 120 chỉ tiêu chính, hơn 550 câu hỏi về nhiều vấn đề chính sách của Việt Nam. Các tiêu chí của Chỉ số PAPI gồm:

- (1) Tham gia của người dân tại cấp cơ sở;
- (2) Công khai, minh bạch trong việc ra quyết định ở địa phương;
- (3) Trách nhiệm giải trình với người dân;
- (4) Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công;
- (5) Thủ tục hành chính công;
- (6) Cung ứng dịch vụ công;
- (7) Quản trị môi trường;
- (8) Quản trị điện tử.

Chỉ số PAPI do Cơ quan thuộc Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc (UNDP) tại Việt Nam phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam công bố hàng năm.

c) Chỉ số PAR INDEX

Chỉ số PAR INDEX có tên gọi là Chỉ số cải cách hành chính ở Việt Nam (viết tắt theo tên tiếng Anh là PAR INDEX), là công cụ quan trọng để theo dõi, đánh giá hoạt động cải cách hành chính của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Nội dung của Chỉ số CCHC được xác định trên 8 lĩnh vực, gồm:

1. Công tác chỉ đạo điều hành CCHC;
2. Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL;
3. Cải cách thủ tục hành chính;
4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước;
5. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC;
6. Cải cách tài chính công;
7. Hiện đại hóa nền hành chính;
8. Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển KT-XH của tỉnh.

Tổng điểm của Chỉ số CCHC là 100 điểm với phương pháp đánh giá như sau: Thông qua kết quả tự chấm điểm của địa phương (đánh giá bên trong) với số điểm tối đa là 62/100 điểm và kết quả điều tra xã hội học (đánh giá bên ngoài) với số điểm tối đa là 38/100 điểm.

Chỉ số CCHC do Bộ Nội vụ chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương công bố hàng năm.

d) Chỉ số SIPAS

Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (tên viết tắt tiếng Anh là SIPAS) là kết quả mang tính định hướng của việc đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước. Chỉ số SIPAS là thước đo mang tính khách quan, phản ánh trung thực kết quả đánh giá của người dân, tổ chức về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước thông qua việc cung cấp các dịch vụ hành chính công cụ thể do Bộ Nội vụ phối hợp với Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam thực hiện có sự kiểm tra, giám sát của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Hội Cựu chiến binh Việt Nam thực hiện từ năm 2015.

Chỉ số này không sắp xếp thứ tự của các tỉnh, thành phố mà chỉ đánh giá kết quả của các tỉnh theo mục tiêu Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2011 - 2020, đó là đến năm 2020: “*Sự hài lòng của người dân đối với cơ quan hành chính nhà nước đạt trên 80%*”.

đ) Chỉ số ICT

Chỉ số ICT có tên gọi là chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng CNTT - Truyền thông Việt Nam (viết tắt theo tên tiếng Anh là ICT Index). Chỉ số ICT được đánh giá với thang điểm tối đa là 1 điểm và bao gồm các tiêu chí thành phần như sau:

1. Chỉ số về hạ tầng kỹ thuật (Hạ tầng kỹ thuật gồm có 02 chỉ tiêu thành phần là: (1) Hạ tầng kỹ thuật CNTT của xã hội; (2) Hạ tầng kỹ thuật CNTT của các CQNN.);

2. Chỉ số về hạ tầng nhân lực (Hạ tầng nhân lực gồm có 02 tiêu chí thành phần là: (1) Hạ tầng nhân lực xã hội; (2) Hạ tầng nhân lực của CQNN);

3. Chỉ số về ứng dụng CNTT (Ứng dụng CNTT gồm có 02 tiêu chí thành phần là: (1) *Ứng dụng CNTT trong các CQNN*; (2) *Dịch vụ công trực tuyến*);

Chỉ số ICT được Bộ Thông tin và Truyền thông công bố hàng năm.

2. Đánh giá kết quả thực hiện các Chỉ số PCI, PAPI, PAR INDEX, SIPAS VÀ ICT INDEX của tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016 - 2020

a) Đối với Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)

Tiêu chí	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2020 so với năm 2016
1- Gia nhập thị trường	8.65	7.42	6.90	7.70	7.85	- 0.8
2- Tiếp cận đất đai	6.33	6.91	7.29	7.68	7.73	+ 1.4
3- Tính minh bạch	5.93	6.29	6.30	6.75	5.79	- 0.14
4- Chi phí thời gian	7.15	7.48	7.78	7.88	8.45	+ 1.3
5- Chi phí không chính thức	6.11	6.13	6.74	6.71	7.48	+ 1.37
6- Cạnh tranh bình đẳng	5.57	5.37	6.04	7.19	6.66	+ 1.09
7-Tính năng động	5.46	5.67	5.37	6.56	7.06	+ 1.6
8-Dịch vụ hỗ trợ Doanh nghiệp	5.53	6.61	6.69	6.27	4.95	- 0.58
9-Đào tạo lao động	5.89	6.38	5.99	6.15	6.20	+0.31
10-Thiết chế pháp lý	5.50	5.43	6.34	6.97	7.85	+2.35
Tổng điểm PCI	60.14	63.82	64.54	67.05	64.16	Tăng 4.03 điểm
Xếp hạng	20	19	14	15	24	Giảm 4 bậc

- Chỉ số PCI năm 2020 của tỉnh Tây Ninh xếp hạng thứ 24/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. So với năm 2016, mặc dù về điểm số có tăng (4.03 điểm) nhưng đã giảm 04 bậc so với năm 2016.

- Từ năm 2016 đến năm 2019, Tây Ninh được xếp vào nhóm Tốt, là một trong 20 tỉnh đứng đầu cả nước. Tuy nhiên đến năm 2020 chỉ số này của Tây Ninh có sự tụt hạng mạnh (giảm 9 bậc so với năm 2019), đáng lo ngại là PCI của Tây Ninh từ nhóm Tốt đã bị giảm xuống nhóm Khá.

- Về điểm số: PCI Tây Ninh năm 2020 có sự giảm điểm số lớn so với năm 2019 (giảm 2,89 điểm).

- Trong năm 2020, Tây Ninh có 03 tiêu chí bị giảm điểm so với năm trước là: “Tính minh bạch”, “Cạnh tranh bình đẳng” và “Dịch vụ hỗ trợ Doanh nghiệp”. Trong đó tiêu chí “Dịch vụ hỗ trợ Doanh nghiệp” bị giảm điểm nhiều nhất (1,32 điểm). Có hai tiêu chí “Tiếp cận đất đai” và “Chi phí thời gian” cơ bản luôn giữ được mức ổn định trên 7 điểm trong các năm qua. Có 07 tiêu chí tăng điểm so với năm 2019 nhưng nhìn chung mức tăng điểm của nhiều tiêu chí không đáng kể. Do đó, không làm tăng được thứ tự xếp hạng. Đáng chú ý có hai tiêu chí là: “Tính minh bạch” và “Dịch vụ hỗ trợ Doanh nghiệp” của Tây Ninh thấp hơn mức trung bình của cả nước.

- Kết quả điều tra PCI cho thấy chính quyền các địa phương cần tạo thuận lợi hơn nữa cho các doanh nghiệp tư nhân tiếp cận thông tin, nhất là tiếp cận văn bản quy hoạch cấp tỉnh (về đất đai, xây dựng...), việc tiếp cận các văn bản pháp lý liên quan vẫn ở mức thấp do rất khó tiếp cận. Chất lượng thông tin website của các đơn vị của tỉnh rất thấp, việc tiếp cận được các trang thông tin của sở, ngành tỉnh còn khó, chất lượng thông tin trên các trang này còn thấp.

- Ngoài ra, theo con số thống kê của chỉ số PCI về tỷ lệ doanh nghiệp trả lời “cần phải có mối quan hệ để tiếp cận được tài liệu” cho thấy không gian cải cách vẫn còn rất lớn, còn đến 57,4% doanh nghiệp phản ánh cần có mối quan hệ với cán bộ cơ quan chính quyền để có được tài liệu của địa phương. Điều đó cho thấy tỉnh chưa ứng dụng mạnh công cụ số hoá dữ liệu để công khai, minh bạch trên các trang thông tin chính thống của tỉnh. Từ đó làm ảnh hưởng đến chỉ số “Dịch vụ hỗ trợ Doanh nghiệp”.

Tổng quát lại giai đoạn vừa qua: Điểm chỉ số PCI của Tây Ninh có tăng nhưng tăng chậm, trong khi các tỉnh thành khác tăng điểm nhanh hơn mức tăng của Tây Ninh nên tỉnh bị giảm thứ hạng.

b) Đối với Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI)

STT	Tiêu chí	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tăng/giảm (so sánh năm 2020 với năm 2016)
1	Tham gia của người dân ở cấp cơ sở	5.52	4.92	4.48	4.38	4.52	- 1.0
2	Công khai, minh bạch	5.61	5.59	4.79	5.16	5.06	- 0.55

3	Trách nhiệm giải trình với người dân	5.33	5.4	4.76	4.65	4.93	- 0.4
4	Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công	6.51	6.89	7.24	6.88	6.57	+ 0.06
5	Thủ tục hành chính công	7	7.39	5.51	7.36	7.33	+ 0.33
6	Cung ứng dịch vụ công	7.16	1.15	7.01	7.31	7.07	- 0.09
7	Quản trị môi trường	-	-	4.94	3.43	3.25	+ 3.25
8	Quản trị điện tử	-	-	2.45	3.3	2.61	+ 2.61
Tổng		36.86	37.34	43.58	42.38	41.34	Tăng 4.48 điểm
Xếp hạng		20/63	21/63	36/63	41/63	51/63	Giảm 31 bậc

- Chỉ số PAPI năm 2020 của Tây Ninh xếp hạng thứ 51/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, giảm 31 bậc so với năm 2016, xếp vào nhóm thấp nhất gồm 15 tỉnh, thành phố trong cả nước. Chỉ số PAPI của Tây Ninh có xu hướng giảm mức xếp hạng nghiêm trọng và đáng lo ngại cho dù cả giai đoạn có tăng 4,48 điểm. Ở những năm 2016 và 2017 xếp ở nhóm “Trung bình cao”, tiếp đó giảm xuống xếp ở nhóm “Trung bình thấp” và đến năm 2020 là xếp ở nhóm “Thấp nhất”.

- Tiêu chí “Thủ tục hành chính công” được coi là thế mạnh của tỉnh đã không còn giữ được mức “Trung bình cao”, đáng lo ngại là có dấu hiệu chững lại và có xu hướng giảm điểm nhẹ trong năm 2019 và năm 2020. Tiêu chí “Quản trị điện tử” bị giảm điểm lớn nhất (chiếm 66,34% tổng số điểm bị giảm của tỉnh trong năm 2020). Đây là nguyên nhân chính làm giảm thứ tự xếp hạng PAPI của tỉnh). Trong tiêu chí này có hai nội dung “Sử dụng cổng thông tin điện tử của chính quyền địa phương” (xếp hạng 50/63 tỉnh, thành phố) và “Phúc đáp qua cổng thông tin điện tử” (xếp hạng 53/63 tỉnh, thành phố) đạt điểm rất thấp.

- So với những năm trước, trong 02 năm gần đây thì PAPI của Tây Ninh đã không còn tiêu chí nào được xếp hạng ở mức “Cao nhất”.

Tổng quát lại giai đoạn vừa qua: Điểm chỉ số PAPI của Tây Ninh có tăng nhưng tăng chậm, trong khi các tỉnh thành khác tăng điểm nhanh hơn mức tăng của Tây Ninh nên tỉnh bị giảm thứ hạng.

c) Đối với Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX)

Chỉ số Cải cách hành chính của các Bộ, cơ quan ngang bộ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do Bộ Nội vụ tổ chức đánh giá, công bố hàng năm.

Tiêu chí	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tổng điểm	71,3	77,76	74,84	80,44	84,59
Xếp thứ hạng	44	32	48	44	27

+ Chỉ số cải cách hành chính của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được xác định dựa trên 08 tiêu chí. Trong đó, có 07 tiêu chí được thực hiện thường xuyên hàng năm theo Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, gồm: (1) Công tác chỉ đạo điều hành CCHC; (2) Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại tỉnh; (3) Cải cách thủ tục hành chính; (4) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính; (5) Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; (6) Cải cách tài chính công; (7) Hiện đại hóa nền hành chính và nội dung thứ (8) là Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trong năm 2020, trong số 08 lĩnh vực được đánh giá thì Tây Ninh có 02 tiêu chí được đánh giá cao (trên 90%) là công tác chỉ đạo, điều hành và cải cách thủ tục hành chính; có 04 tiêu chí đạt mức tốt trên 80%. Còn lại 02 lĩnh vực được đánh giá thấp (dưới 80%) là Cải cách tổ chức bộ máy hành chính và Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Riêng chỉ số thành phần về “Cải cách tổ chức bộ máy hành chính của tỉnh”, từ năm 2018 đến nay có cải thiện nhưng chậm so với các tỉnh khác, chỉ đạt ở mức khá (*năm 2018 đạt 70%, năm 2019 đạt mức 70,8% và năm 2020 đạt 78%*).

Tổng quát lại giai đoạn vừa qua: Điểm chỉ số PAR INDEX của Tây Ninh có tăng (năm 2020 so với năm 2016 tăng 13,29 điểm; thứ hạng tăng từ 44 lên 27/63 tỉnh, thành).

d) Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (tên viết tắt tiếng Anh là SIPAS)

Chỉ số SIPAS là thước đo mang tính khách quan, phản ánh trung thực kết quả đánh giá của người dân, tổ chức về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước thông qua việc cung cấp các dịch vụ hành chính công cụ thể. Chỉ số SIPAS do Bộ Nội vụ phối hợp với Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam thực hiện, có sự kiểm tra, giám sát của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

Chỉ số SIPAS không xếp hạng theo thứ tự của các tỉnh, thành phố mà chỉ đánh giá kết quả của các tỉnh theo mục tiêu Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2011 - 2020, đó là đến năm 2020: “*Sự hài lòng của người dân đối với cơ quan hành chính nhà nước đạt trên 80%*”.

Kết quả Chỉ số SIPAS tỉnh Tây Ninh như sau:

Nội dung	Năm 2015 ¹	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Chỉ số của Tây Ninh	81,8%	-	79,76%	81,24%	83,45%	83,94%
Trung bình cả nước	82,6%	-	80,89%	82,99%	84,45%	85,48%

Năm 2020, Chỉ số SIPAS của tỉnh Tây Ninh đạt 83,94% và tăng 2,14% so với năm 2015 nhưng vẫn thấp hơn giá trị trung bình của cả nước (85,48%).

Trong 05 yếu tố cơ bản được khảo sát, thì có 04 yếu tố được đánh giá tốt gồm: (1) Tiếp cận dịch vụ hành chính công của cơ quan hành chính nhà nước (78,18%); (2) TTHC (85,19%); (3) công chức trực tiếp giải quyết công việc (86,32%); (4) kết quả cung ứng dịch vụ hành chính công (86,82%). Riêng việc tiếp nhận, giải quyết góp ý, phản ánh, kiến nghị được cá nhân, tổ chức đánh giá rất thấp, chỉ đạt 72,09%.

Tổng quát lại giai đoạn vừa qua: Tỷ lệ hài lòng của người dân, tổ chức đối với các cấp chính quyền tỉnh thể hiện qua chỉ số SIPAS của tỉnh có tăng (tăng 2,14%) nhưng mức tăng chậm, trong khi mức tăng chung ở các địa phương khác nhanh hơn. Do vậy, dù đạt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội lần thứ X của tỉnh nhiệm kỳ 2015-2020 đặt ra là sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với các cấp chính quyền tỉnh là trên 80% nhưng chỉ số này vẫn thấp hơn mức trung bình của cả nước.

e) Chỉ số Sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông Việt Nam (ICT INDEX)

Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng CNTT-TT (ICT Index) là thước đo mức độ phát triển về Công nghệ thông tin và truyền thông và nó cũng là thước đo cho mức độ sẵn sàng phát triển và áp dụng CNTT do Bộ Thông tin và Truyền thông, Hội Tin học Việt Nam thực hiện công bố từ năm 2005. Với 03 chỉ tiêu thành phần gồm chỉ số về hạ tầng kỹ thuật; chỉ số về hạ tầng nhân lực và chỉ số về ứng dụng công nghệ thông tin.

Năm 2020, tỉnh Tây Ninh đạt hạng 09/63 tỉnh, thành phố. So với năm 2016, tăng 14 bậc, cụ thể:

STT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
-----	----------	----------	----------	----------	----------

¹ Chỉ số SIPAS 2015 được thực hiện trong quý II, III/2016 tại 10/63 tỉnh, thành (Quyết định số 915/QĐ-BNV ngày 20/4/2016).

Điểm số	0,48	0,48	0,41	0,45	0,54
Thứ hạng	23	23	33	25	9

Theo kết quả trên cho thấy: Chỉ số ICT Index năm 2020 của tỉnh Tây Ninh xếp thứ 9/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tăng **16 bậc so với năm 2019**. Một số nhận xét chung về Chỉ số ICT của tỉnh Tây Ninh như sau:

- Về thứ hạng: ICT index năm 2020 của tỉnh Tây Ninh tăng mạnh (lần đầu tiên được lên top 10 của bảng xếp hạng).

- Về điểm số: ICT index năm 2020 của tỉnh Tây Ninh tăng nhẹ 0,087 điểm so với năm 2019, tuy nhiên thứ hạng lại tăng lên 16 bậc.

- Tiêu chí bị giảm điểm so với năm 2019 là “Ứng dụng Công nghệ thông tin” bị giảm 0,13 điểm so với năm 2019. Trong đó chỉ số con về “Ứng dụng CNTT nội bộ trong các cơ quan nhà nước” và “Dịch vụ công trực tuyến” đều giảm so với năm 2019.

- Các chỉ số con còn xếp hạng thấp so với các tỉnh khác cần được quan tâm cải thiện như: “*Hạ tầng nhân lực của xã hội*” xếp hạng 41/63 do tỷ lệ người lớn biết đọc, biết viết giảm (năm 2017 và 2018 đạt 99,8%, năm 2019 đạt 97,9%, năm 2020 đạt 98%) và tỷ lệ các trường phổ thông có dạy tin học thấp hơn so với các tỉnh khác (năm 2020 đạt 78,65%, tỉnh có chỉ số cao nhất đạt 100%) và “*Dịch vụ công trực tuyến*” năm 2020 xếp hạng 30/63 trong đó chỉ số con về “*dịch vụ công trực tuyến mức độ 4*” giảm so với các năm trước (năm 2018 đạt 25%; năm 2019 đạt 31,3%; năm 2020 đạt 20,6%).

Tổng quát lại giai đoạn vừa qua: Chỉ số ICT của tỉnh có tăng, nhưng kết quả tăng không bền vững. Kết quả tăng đột biến của năm 2020 là do chúng ta có chuẩn bị được một báo cáo tốt, xây dựng được đề án về chính quyền điện tử, có mối quan hệ mật thiết với một số tập đoàn công nghệ thông tin lớn như VNPT, Viettel nên được đánh giá cao...Trên thực tế, các nội dung bên trong chỉ số ICT của Tây Ninh còn nhiều hạn chế so với các địa phương khác trong cả nước cần khắc phục trong giai đoạn 2021- 2025.

3. Đánh giá chung về các hạn chế, bất cập và nguyên nhân của hạn chế, bất cập đối với các Chỉ số trong giai đoạn 2016 - 2020

Mặc dù giai đoạn 2016 - 2020, các Chỉ số phản ánh nền hành chính của tỉnh có đạt được một số kết quả bước đầu, tuy nhiên vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, bất cập. Các hạn chế, bất cập này chủ yếu tập trung vào 04 nhóm nội dung sau:

a) Thứ nhất là việc ứng dụng CNTT vào hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh nhìn chung còn ở trình độ thấp, chưa đồng bộ, manh mún và dàn trải

Nguyên nhân là do:

- Mức đầu tư cho ứng dụng CNTT còn chưa tương xứng với vai trò và tầm quan trọng của CNTT đối sự phát triển của tỉnh. Việc đầu tư hạ tầng còn manh mún, dàn trải, chưa được đánh giá, dự báo mang tính giai đoạn, tính tổng thể.

- Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thật sự quan tâm ứng dụng CNTT vào công việc.

- Các Hệ thống thông tin được tỉnh đầu tư, một số chưa đáp ứng cho việc giải quyết nghiệp vụ chuyên môn hoặc đã lạc hậu mà chưa được cập nhật kịp thời. Chưa chủ động đảm bảo quản trị, điều phối các phần mềm đã đưa vào triển khai trên địa bàn tỉnh, còn phụ thuộc chính vào các đơn vị bên ngoài (đơn vị trúng thầu).

- Nhân sự quản trị các Hệ thống CNTT trên địa bàn tỉnh còn yếu, thiếu. Hầu hết CBCCVC chỉ được tập huấn, hướng dẫn qua loa dẫn đến không dám khai thác sử dụng (sợ ảnh hưởng đến dữ liệu). Việc quản trị Trung tâm tích hợp dữ liệu chưa đảm bảo (nhân sự, hạ tầng).

- Chưa thực hiện được việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các phần mềm của tỉnh và cơ sở dữ liệu chuyên ngành do các Bộ chuyên ngành quản lý nên phải nhập dữ liệu 02 lần.

- Việc tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng các phần mềm còn hình thức, chưa có chuyên đề chuyên sâu vào từng đối tượng người dùng cụ thể.

b) Thứ hai là các điểm nghẽn về cấp chủ trương đầu tư, quy hoạch đất đai - xây dựng và giải phóng mặt bằng, đền bù để thực hiện các dự án đầu tư còn lòng vòng, chậm tiến độ, không dứt khoát, dứt điểm, tính công khai, minh bạch chưa cao

Nguyên nhân là do:

- Một bộ phận CBCCVC chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, còn gây khó dễ, những nhiễu trong quá trình thực thi các thủ tục hành chính.

- Hệ thống chính sách pháp luật thay đổi liên tục làm cho đội ngũ CBCCVC chưa kịp thích nghi với các văn bản pháp luật mới.

- Công tác thông tin tuyên truyền còn yếu, còn hình thức và còn theo cách truyền thống, chưa tuyên truyền gắn với lợi ích cụ thể của đối tượng được tuyên truyền.

- Việc công khai, minh bạch, giải trình đối với các khâu công việc còn chậm, thiếu, chưa kịp thời, chưa chi tiết.

c) Thứ ba là sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc giải quyết các công việc cho người dân, doanh nghiệp còn chậm

Nguyên nhân là do:

- Ý thức trách nhiệm của từng CBCCVC chưa cao.

- Vẫn có sự giao thoa chức năng nhiệm vụ giữa các đơn vị và khi chưa thực sự minh định triệt để về chức năng, nhiệm vụ mà chưa có quy chế phối hợp.

- Việc xây dựng các quy chế phối hợp, quy trình giải quyết công việc còn thiếu, còn hình thức, còn rườm rà, chưa gắn với trách nhiệm cá nhân trong từng nhiệm vụ cụ thể.

- Ít có các sáng kiến, kinh nghiệm hay, mô hình tốt được ứng dụng vào thực tế của tỉnh để tạo ra sự thông suốt hành chính giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tâm lý vì cái chung, nhiệm vụ chung của một số CBCCVC còn thấp. Tâm lý đùn đẩy những khó khăn về phía người dân, doanh nghiệp còn lớn, chưa thực sự dành mọi sự thuận lợi về phía người dân và doanh nghiệp.

d) Thứ tư là khi đã phát hiện ra một bộ phận đội ngũ CBCCVC có yếu kém, có hạn chế nhưng lại không chưa kịp thời xử lý hoặc thay thế

Nguyên nhân là do:

- Do cả nể, dĩ hòa vi quý, ngại va chạm, sợ mất lòng nhau.

- Việc thưởng phạt trong công tác thi đua - khen thưởng, trong công tác cán bộ chưa nghiêm minh, mạnh mẽ, quyết liệt, chưa sát với thực tế và còn hình thức.

- Công tác đánh giá CBCCVC còn hình thức, chưa thực sự phân biệt người làm giỏi với người chưa hoàn thành nhiệm vụ.

- Công tác bổ nhiệm nhân sự chưa thực sự gắn với kết quả giải quyết các công việc cụ thể về CCHC, chưa đánh giá được sau bổ nhiệm thì nhân sự đó có tác động ảnh hưởng như thế nào đến công tác CCHC của tỉnh.

- Có những vị trí công tác, nhân sự đó dù có yếu kém, có hạn chế, đã có chỉ ra nhưng chậm được thay thế.

IV. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu đề án

a) Mục tiêu chung

Đánh giá toàn diện kết quả đạt được đối với từng Chỉ số; xác định rõ những kết quả nổi bật đã đạt được, chỉ rõ những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm. Trên cơ sở đó, đề ra các giải pháp cụ thể để khắc phục triệt để các tồn tại, hạn chế đối với từng nội dung tiêu chí thành phần của từng Chỉ số. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để khắc phục các tồn tại, hạn chế phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh, xây dựng chính quyền điện tử tiến tới thực hiện thành công việc xây dựng đô thị thông minh và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2025, định hướng phát triển trong giai đoạn 2025-2030. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ CBCCVC, nhất là xác định trách nhiệm của người đứng đầu tại từng cơ quan, đơn vị, địa phương đối với việc khắc phục các tồn tại, hạn chế trong việc duy trì, cải thiện điểm số, thứ hạng các Chỉ số trên.

b) Mục tiêu cụ thể

Duy trì, cải thiện, nâng cao điểm số và vị trí xếp hạng đối với các chỉ số phản ánh nền hành chính của tỉnh trong giai đoạn 2021-2025. Cụ thể, phấn đấu đến năm 2025 đạt mục tiêu như sau:

- Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI): Thuộc nhóm Tốt.
- Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI): Thuộc nhóm “Trung bình cao”.
- Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX): thuộc nhóm 30 tỉnh dẫn đầu về Chỉ số CCHC.
- Chỉ số Hải lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS): Mức độ hài lòng của người dân và tổ chức cao hơn mức trung bình cả nước.
- Chỉ số Sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông Việt Nam (ICT INDEX): thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước.

2. Nội dung đề án

a) Yêu cầu đối với việc thực hiện đề án

- Đề án này được triển khai đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã, có sự chỉ đạo xuyên suốt của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm xác định rõ nội dung của từng nhiệm vụ, kết hợp chặt chẽ với việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của các cơ quan, đơn vị, địa phương mình để thực hiện có hiệu quả.

- Đề án cải thiện các Chỉ số phải bám sát nội dung Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2021-2030. Các nội dung triển khai thực hiện, các giải pháp, mục tiêu đề ra phải đảm bảo tính khả thi, phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế của các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã và các cơ quan khác có liên quan.

- Tăng cường sự tham gia đánh giá, giám sát, phản biện xã hội đối với quá trình triển khai Đề án cải thiện các Chỉ số trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao chất lượng cải thiện từng chỉ số bảo đảm hiệu quả, thiết thực, đúng tiến độ; không thực hiện hình thức, không chạy theo thành tích, nói đi đôi với làm trong triển khai thực hiện nhiệm vụ từng chỉ số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Xác định nội dung công việc gắn với trách nhiệm và phát huy vai trò chủ động, tích cực của các cơ quan tham mưu giúp UBND tỉnh triển khai có hiệu quả các chỉ số nêu trên. Bảo đảm sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan có hiệu quả, đúng tiến độ các mục tiêu đã nêu trong Đề án. Xác định cụ thể các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai, thực hiện.

b) Nội dung cụ thể

Từ kết quả đánh giá các Chỉ số nêu trên cho thấy thời gian qua mặc dù có nhiều nỗ lực nhưng Tây Ninh cơ bản chưa cải thiện được thứ hạng các Chỉ số so với các tỉnh, thành khác trên cả nước; đặc biệt so với một số tỉnh Đông Nam Bộ đã

có nhiều bước tiến rõ rệt. Do vậy, tỉnh cần tập trung cải thiện các lĩnh vực trong nhóm đạt điểm thấp nhất; nâng cao chất lượng phục vụ người dân trong việc giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực đất đai, xây dựng, bồi thường, giải phóng mặt bằng, tư pháp, bảo hiểm y tế; dịch vụ khám chữa bệnh, giáo dục, cung cấp điện, nước, giải quyết việc làm, an ninh trật tự, khiếu nại, tố cáo... Cụ thể:

(1) Chỉ số PCI: Tập trung khắc phục các tiêu chí bị giảm điểm những năm gần đây như: Chi phí không chính thức, Dịch vụ hỗ trợ Doanh nghiệp (rút ngắn thực chất thời gian giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp; Số ngày chờ đợi để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Công khai minh bạch thông tin mời thầu; Cung cấp đầy đủ, nhanh chóng các thông tin cho doanh nghiệp khi có yêu cầu; Tăng cường sở hội chợ thương mại do tỉnh tổ chức; Nâng cao hiệu quả đào tạo lao động và hỗ trợ các dịch vụ cần thiết cho doanh nghiệp hoạt động),...

(2) Chỉ số PAPI: Tập trung vào việc khắc phục các tiêu chí bị giảm điểm như: Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công, Quản trị môi trường (Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền; Quyết tâm chống tham nhũng; Dịch vụ y tế công lập; Cơ sở hạ tầng căn bản; Sử dụng công thông tin điện tử của chính quyền địa phương),...

(3) Các chỉ số PAR INDEX và SIPAS: Các cơ quan, đơn vị đảm bảo thực hiện đúng tiến độ và hoàn thành các nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cho UBND tỉnh; tiếp tục rà soát, tham mưu, công bố công khai quy trình giải quyết cho phù hợp, ngắn gọn, đơn giản các TTHC tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa các cấp, nhất là các TTHC có ứng dụng dịch vụ công trực tuyến trong tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả. Kiểm tra, theo dõi việc công khai TTHC trên Cổng thông tin điện tử (TTĐT) của tỉnh và Trang Thông tin điện tử của các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh; thực hiện có hiệu quả nội dung cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước và việc xây dựng, nâng cao chất lượng CBCCVC trên địa bàn tỉnh, cải thiện điểm số của các tiêu chí này trong những năm qua. Mạnh dạn, chủ động tham mưu thí điểm những cách làm mới, mô hình hay, đột phá về công tác cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; Tăng cường giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho một số cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; khuyến khích người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4 và thực hiện nộp - trả hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh. Khắc phục việc giải quyết trễ hạn các hồ sơ của người dân, tổ chức; thực hiện đúng quy trình, thao tác trên phần mềm một cửa điện tử của tỉnh; trả lời đúng, đủ, kịp thời các nội dung phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức; đồng thời phải cập nhật, công khai nội dung đã trả lời lên Trang thông tin điện tử của sở ngành hoặc Cổng Thông tin điện tử của tỉnh để cá nhân, tổ chức biết.

(4) Chỉ số ICT: Phát triển hạ tầng kỹ thuật, nâng cao hạ tầng viễn thông để nâng cao số lượng người dân sử dụng Internet; tiếp tục bổ sung, nâng cao số lượng cán bộ chuyên trách an toàn thông tin; tăng thêm các trường chuyên đào tạo về công nghệ thông tin; tập huấn về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo đạt tối thiểu 90%. Triển khai các ứng dụng cơ bản tại các cơ quan nhà nước đảm bảo tối thiểu 90% hoạt động đều phải được ứng dụng công nghệ thông tin. Triển khai ứng dụng các phần mềm mã nguồn mở; nâng số lượng thủ tục hành chính mức độ 4 đạt 100% TTHC đủ điều kiện triển khai

V. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giải pháp

Để cải thiện, nâng cao các chỉ số phản ánh nền hành chính của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, cần tập trung thực hiện các nhóm giải pháp cơ bản sau:

a) *Nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong cải cách hành chính, trong xây dựng đầu tư và cải thiện các Chỉ số CCHC*

- Đối với đội ngũ CBCCVC trực tiếp tham mưu công tác CCHC tại các ngành, các cấp: Phải làm cho đội ngũ CBCCVC của tỉnh hiểu được bản chất, cách tính toán, các tiêu chí đánh giá... đối với các chỉ số hành chính của tỉnh, nhất là đối với đội ngũ CBCCVC chủ chốt các cấp. Khi đội ngũ CBCCVC hiểu được các chỉ số thì họ mới tuyên truyền đúng cho dân và doanh nghiệp hiểu được; biết cách tác động đúng vào các yếu tố thành phần của các chỉ số, nhất là các nội dung trực tiếp được giao quản lý; khi thực hiện các chính sách cán bộ (luân chuyển, bổ nhiệm, điều động...) thì người nhận nhiệm vụ mới sẽ thực hiện được ngay.

Đối với mỗi CBCCVC của tỉnh trước khi được bổ nhiệm hoặc bổ nhiệm lại vị trí quản lý từ cấp phó trưởng phòng và tương đương trở lên phải thực hiện đánh giá sự hiểu biết của bản thân người đó về các chỉ số phản ánh nền hành chính của tỉnh. “Ngân hàng” câu hỏi và nội dung, cách thức đánh giá cụ thể về các chỉ số phản ánh nền hành chính của địa phương do Ban Chỉ đạo CCHC của tỉnh đưa ra hàng năm và được chuyển tới các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định trước khi đánh giá. Thường trực Ban Chỉ đạo CCHC tổ chức các cuộc thi trực tuyến để đánh giá đội ngũ CBCCVC hàng năm về nội dung này; kết quả đánh giá được gửi các sở (Sở Nội vụ, Ban Tổ chức), các huyện... để coi đó là một trong số tiêu chí trước khi bổ nhiệm nhân sự.

Trường Chính trị của tỉnh đưa nội dung tìm hiểu về các chỉ số phản ánh nền hành chính của tỉnh vào chương trình giảng dạy, bồi dưỡng đối với tất cả các đối tượng CBCCVC là học viên của nhà trường. Mời các đồng chí báo cáo viên của tỉnh am hiểu về các chỉ số này tham gia giảng dạy để truyền đạt kinh nghiệm thực tế.

- Nâng cao nhận thức của người dân trong nắm bắt và sử dụng các phần mềm, các ứng dụng CNTT; nâng cao nhận thức trong việc giám sát, phản ánh đánh giá thực hiện công tác CCHC của các ngành, địa phương: Đổi mới cách thức truyền tải thông tin về các hoạt động CCHC, các thông tin, chính sách của tỉnh và các sở ngành, địa phương đến người dân, doanh nghiệp. Ngoài các cách thức truyền thống như in các băng rôn, tờ rơi, tờ gấp hoặc đưa tin trên báo, Đài phát thanh và truyền hình thì cần thông tin kịp thời qua các mạng xã hội (facebook, zalo,...) hoặc phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chính trị - xã hội (Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Liên đoàn Lao động, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ,...) để thông tin được kịp thời, sâu rộng đến Nhân dân và toàn bộ Hệ thống chính trị của tỉnh. Thông báo công khai các kênh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị để người dân thực hiện giám sát, phản ánh hiện trường các vấn đề khó, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Đối với các cá nhân / doanh nghiệp: Các cơ quan quản lý nhà nước cần tổ chức gặp gỡ, đối thoại để nâng cao nhận thức của họ về các nội dung trong giải quyết TTHC, những vấn đề không gấp thì phải chờ đợi đúng thời gian giải quyết theo quy định, xóa bỏ nhận thức về cơ chế “xin - cho”, “lót tay”... để được làm trước, làm sớm...

b) Nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, sử dụng có hiệu quả các phần mềm đã triển khai như Một cửa điện tử, Hộp không giấy,...

- Xây dựng, triển khai Chính quyền điện tử, Chính quyền số tiến tới xây dựng xã hội số, nền kinh tế số.

- Mở rộng, đa dạng hóa các dịch vụ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; xây dựng Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hiện đại.

- Hoàn thiện, nâng cao chất lượng hiệu quả Trung tâm Điều hành Kinh tế - xã hội tập trung của tỉnh; xây dựng trung tâm tích hợp dữ liệu để kết nối trước hết ở các lĩnh vực đất đai, đầu tư, xây dựng, giao thông,... để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, đánh giá chất lượng hoạt động của các ngành, địa phương. Xây dựng cơ chế, trách nhiệm của ngành, địa phương trong việc cung cấp thông tin, xây dựng nguồn dữ liệu số kịp thời, chính xác.

- Rà soát, hoàn thiện việc cung cấp các dịch vụ công trực tuyến đúng thực chất, thực hiện có hiệu quả trong giai đoạn 2021 - 2025.

- Ban hành quy chế phối hợp giữa các ngành để tháo gỡ những điểm nghẽn tồn tại từ những năm trước, đặc biệt là về đầu tư, đất đai và xây dựng.

- Củng cố tổ chức bộ máy các cơ quan tham mưu đầu tư, đất đai, xây dựng đáp ứng yêu cầu, trong đó nghiên cứu thành lập Trung tâm Xúc tiến Đầu tư tỉnh để làm đầu mối tiếp nhận, kịp thời kết nối với các nhà đầu tư. Rà soát và bố trí những CBCCVC có trình độ cao, năng lực chuyên môn giỏi đảm nhận các vị trí liên quan đến công tác CCHC của tỉnh để phát huy sức sáng tạo vì CCHC là công việc rất khó, liên quan đến nhiều khâu, nhiều bộ phận nên đòi hỏi phải có những người thật sự giỏi mới làm có hiệu quả, làm như vậy để thay đổi cách nghĩ “CCHC là nhiệm vụ của riêng bộ phận văn thư, văn phòng của cơ quan, đơn vị, địa phương”. Đồng thời, xây dựng đề án để đưa đội ngũ công chức, viên chức trẻ, được học hành chính quy, đã có kinh nghiệm làm công tác CCHC, kiểm soát TTHC ở các sở, ban ngành tỉnh hoặc ở các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện về nắm giữ vị trí chủ chốt của cấp xã để có nhiều đổi mới sáng kiến hay góp phần thay đổi tư duy cũ ở địa phương; kịp thời thay thế, điều chuyển những người không đáp ứng yêu cầu.

- Thí điểm thực hiện cơ chế phân cấp, phân quyền, ủy quyền đối với việc giải quyết một số TTHC đơn giản, có tần suất lớn ở các cấp theo quy định của pháp luật.

- Có chính sách cụ thể để hỗ trợ kinh phí cho đội ngũ CBCCVC làm chuyên trách về CCHC, trực tại Bộ phận Một cửa các cấp và đội ngũ những chuyên viên chuyên trách về CNTT của tỉnh. Có cơ chế khen thưởng, đề bạt, bổ nhiệm kịp thời

những CBCCVC có những giải pháp đột phá, có tính mới và hiệu quả trong việc CCHC của tỉnh được Bộ, ngành Trung ương ghi nhận. Kỷ luật nghiêm minh và công khai tên, vị trí công tác đối với những CBCCVC trong quá trình tiếp xúc gây phiền hà, những nhiều người dân, doanh nghiệp. Hỗ trợ kinh phí, khen thưởng kịp thời sẽ tạo động lực để CBCCVC thực hiện nhiệm vụ tốt hơn.

c) Có cơ chế quản lý, kiểm tra giám sát, xử lý hành vi tiêu cực trong công tác CCHC

- Xây dựng cơ chế quản lý, giám sát hoạt động của cơ quan, tổ chức trong giải quyết TTHC mà để xảy ra nhiều tiêu cực, nhất là trong lĩnh vực đất đai, đầu tư, xây dựng,...

- Có cơ chế định kỳ lấy ý kiến thăm dò của các cá nhân, tổ chức về thực trạng CCHC ở địa phương ở cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã. Xây dựng Hệ thống tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp trên cơ sở các tiêu chí do Sở Nội vụ đề xuất để đánh giá theo dõi thái độ phục vụ của đội ngũ CBCCVC. Kết quả theo dõi, đánh giá là cơ sở để các sở, ban ngành tỉnh và các cấp chính quyền địa phương kịp thời nắm bắt được thái độ, phản ứng của người dân và doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh. Hệ thống này sẽ tiếp nhận toàn bộ các đánh giá, phản ánh của người dân, doanh nghiệp hàng ngày đối với các sở, ban ngành tỉnh và chính quyền cấp huyện (bao gồm cả cấp xã) và tích hợp chuyển các thông tin đến số điện thoại di động của người đứng đầu các sở ngành tỉnh hoặc Chủ tịch UBND cấp huyện. Hệ thống có báo cáo, thống kê, phân tích số liệu theo từng đơn vị, địa phương và cảnh báo để cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời điều chỉnh, khắc phục ngay những hạn chế, thiếu sót từ sớm, từ xa. Đối với những sở ngành, địa phương liên tục bị người dân phản ứng nhiều qua nhiều tháng mà không khắc phục được thì cấp có thẩm quyền kịp thời thay thế người đứng đầu của sở ngành, địa phương đó.

- Ban hành Bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại thực hiện CCHC, ứng dụng CNTT, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh ở các ngành, địa phương cho phù hợp.

- Mở rộng các kênh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị; xây dựng cơ chế tiếp nhận, xử lý các khiếu nại, tố cáo trong giải quyết các thủ tục đầu tư.

- Xây dựng ứng dụng di động phục vụ lãnh đạo (App di động) để theo dõi, giám sát, xử lý và hỗ trợ, xử lý kịp thời những khó khăn vướng mắc, tiêu cực trong giải quyết TTHC kể từ khi nhà đầu tư đến tỉnh xin chủ trương đầu tư, đến khi cấp chủ trương đầu tư.

- Kiểm tra, xử lý các hành vi tiêu cực, thiếu trách nhiệm trong giải quyết TTHC, nhất là các TTHC về đầu tư, đất đai, xây dựng.

- Tăng cường thực hiện việc kiểm tra công vụ, thái độ làm việc của CBCCVC nhất là những công chức làm công tác CCHC.

2. Tổ chức thực hiện

a) Thủ trưởng các Sở, ban, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố:

- Theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng hoặc tham mưu xây dựng quy chế, kế hoạch chi tiết để phân công cụ thể cho từng cá nhân, đơn vị; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về các nội dung công việc được giao theo Phụ lục đính kèm Đề án này.

- Bố trí những CBCCVC có trình độ cao, năng lực chuyên môn giỏi đảm nhận các vị trí liên quan đến công tác CCHC, các lĩnh vực về đất đai, xây dựng, đầu tư,... để phát huy sức sáng tạo, sáng kiến hay góp phần thay đổi tư duy cũ ở địa phương; kịp thời thay thế, điều chuyển những người không đáp ứng yêu cầu.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của CBCCVC thuộc quyền quản lý; người dân, doanh nghiệp có liên hệ giải quyết TTHC về bản chất công tác CCHC, nắm bắt và sử dụng các phần mềm, các ứng dụng CNTT trong nộp hồ sơ, xử lý hồ sơ TTHC.

- Sử dụng có hiệu quả các phần mềm đã triển khai như Một cửa điện tử, Hộp không giấy,...

- Định kỳ hàng năm (trước ngày 31/12) báo cáo kết quả thực hiện, đề xuất giải pháp khắc phục những khó khăn, vướng mắc về UBND tỉnh (thông qua Văn phòng UBND tỉnh) để UBND tỉnh kịp thời chỉ đạo tháo gỡ.

- Xây dựng Quy chế thi đua, khen thưởng, bổ nhiệm CBCCVC gắn với việc thực hiện Đề án này.

b) Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:

- Xây dựng, triển khai thực hiện Chính quyền điện tử, Chính quyền số tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 - 2025.

- Hoàn thiện, nâng cao chất lượng hiệu quả Trung tâm Điều hành Kinh tế - xã hội tập trung của tỉnh; ưu tiên kết nối các lĩnh vực đất đai, đầu tư, xây dựng, giao thông,... để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, đánh giá chất lượng hoạt động của các ngành, địa phương. Xây dựng cơ chế, trách nhiệm của ngành, địa phương trong việc cung cấp thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu kịp thời, chính xác.

- Rà soát, hoàn thiện việc cung cấp các dịch vụ công trực tuyến đúng thực chất, thực hiện có hiệu quả trong giai đoạn 2021 - 2025.

- Xây dựng hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin của riêng Tây Ninh sử dụng nền tảng mạng xã hội (Zalo hoặc Facebook...) để tiếp nhận toàn bộ các đánh giá, phản ánh của người dân, doanh nghiệp hàng ngày đối với cơ quan hành chính các cấp, số liệu được phân tích theo từng đơn vị, địa phương cụ thể.

- Xây dựng một Hệ thống thông tin, chủ đạo là ứng dụng (App di động) để theo dõi, giám sát, xử lý, hỗ trợ kịp thời những khó khăn vướng mắc kể từ khi nhà đầu tư đến xin chủ trương đầu tư, đến quá trình hoạt động của nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường lập cơ sở dữ liệu về các báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép khai thác mỏ, thông tin về doanh nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

c) Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan:

- Mở rộng, đa dạng hóa các dịch vụ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; xây dựng Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp.

- Tham mưu Bộ tiêu chí (câu hỏi) đánh giá sự hiểu biết của CBCCVC về các chỉ số phản ánh nền hành chính của tỉnh trước khi được bổ nhiệm hoặc bổ nhiệm lại vị trí quản lý từ cấp phó trưởng phòng và tương đương trở lên.

- Tham mưu ban hành Bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại thực hiện CCHC ở các ngành, địa phương cho phù hợp bắt đầu từ năm 2022.

- Định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện, đề xuất giải pháp khắc phục những khó khăn, vướng mắc về UBND tỉnh (trước ngày 31/12 hàng năm).

d) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan:

- Nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh có chính sách hỗ trợ kinh phí cho đội ngũ CBCCVC làm chuyên trách về CCHC, trực tại Bộ phận Một cửa và đội ngũ những chuyên viên chuyên trách về CNTT của tỉnh. Có cơ chế khen thưởng, đề bạt, bổ nhiệm kịp thời hoặc khen thưởng cho những CBCCVC có những giải pháp đột phá, có tính mới và hiệu quả trong việc CCHC của tỉnh được Bộ, ngành Trung ương ghi nhận. Kỷ luật nghiêm minh và công khai tên, vị trí công tác đối với những CBCCVC trong quá trình tiếp xúc gây phiền hà, nhũng nhiễu người dân, doanh nghiệp.

- Tham mưu đưa đội ngũ công chức, viên chức trẻ, được học hành chính quy, đã có kinh nghiệm làm công tác CCHC, kiểm soát TTHC ở các sở, ban ngành tỉnh hoặc ở các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện về nắm giữ vị trí chủ chốt của cấp xã để có nhiều đổi mới sáng kiến hay góp phần thay đổi tư duy cũ ở địa phương hoặc có chính sách đãi ngộ hợp lý để thu hút những sinh viên mới ra trường có thành tích học tập tốt về cấp cơ sở công tác.

- Phối hợp với Trường Chính trị tỉnh đưa các nội dung giảng dạy, bồi dưỡng CBCCVC hàng năm trong đó có nội dung giảng dạy, bồi dưỡng về việc tìm hiểu các chỉ số phản ánh nền hành chính của tỉnh.

- Tăng cường thực hiện việc kiểm tra công vụ, thái độ làm việc của CBCCVC nhất là những công chức tại Bộ phận Một cửa các cấp, công chức giải quyết TTHC về đất đai, tài nguyên, xây dựng,...

- Tham mưu củng cố tổ chức bộ máy, nghiên cứu tham mưu thành lập Trung tâm Xúc tiến Đầu tư của tỉnh để làm đầu mối tiếp nhận, kịp thời kết nối với các nhà đầu tư.

đ) Sở Tư pháp

Hướng dẫn các sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện trong việc triển khai nhóm giải pháp cụ thể về phân cấp, phân quyền, ủy quyền đối với việc giải quyết các TTHC có tần xuất lớn theo quy định của pháp luật nhằm giảm tải số lượng hồ sơ bị trễ hạn, tạo thuận lợi, nhanh chóng cho cá nhân, tổ chức để nâng cao mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với các cấp chính quyền tỉnh trong giai đoạn 2021-2025.

e) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan:

- Ban hành quy chế phối hợp giữa các ngành để tháo gỡ những điểm nghẽn tồn tại về đầu tư, đất đai và xây dựng.

g) Báo Tây Ninh, Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh

Tuyên truyền nội dung Đề án này đến toàn thể CBCCVN, Nhân dân và các cá nhân, tổ chức khác trên địa bàn tỉnh biết, hiểu được vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của việc thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ tại Đề án này; huy động sự tham gia, giám sát của Nhân dân và các tổ chức đoàn thể trong việc thực hiện Đề án. Phát hiện, phản ánh chính xác, kịp thời những mặt tích cực và tiêu cực trong công tác thực hiện Đề án trên địa bàn tỉnh. Dành thời lượng phù hợp đưa tin, bài viết để kịp thời nhân rộng các gương điển hình làm tốt, hiệu quả trong công tác CCHC của tỉnh.

PHỤ LỤC CÔNG VIỆC ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN NGÀNH TỈNH VÀ UBND CẤP HUYỆN ĐỂ CẢI THIỆN ĐIỂM SỐ VÀ VỊ TRÍ Xếp hạng các chỉ số PHÂN ÁNH NỀN HÀNH CHÍNH CỦA TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025



Ban hành kèm theo Quyết định số 1564/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh

STT	Các nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Trên độ
I. Chỉ số PCI (Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh)				
1	Nâng tỷ lệ doanh nghiệp truy cập vào Website của tỉnh lên bằng và tiến tới cao hơn mức bình quân của cả nước qua các năm.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố	Hàng năm
2	Có biện pháp để việc tiếp cận tài liệu quy hoạch, tài liệu pháp lý của tỉnh dễ dàng hơn mức trung bình của cả nước qua các năm.			Hàng năm
3	Cải thiện hơn nữa về độ mở và chất lượng trang Web của tỉnh lên mức cao hơn trung bình của cả nước qua các năm			Hàng năm
4	Cải thiện mức độ cung cấp thông tin đủ chi tiết của các tài liệu về ngân sách để doanh nghiệp sử dụng cho hoạt động kinh doanh lên bằng và tiến tới cao hơn mức trung bình của cả nước.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố	Hàng năm
5	Có biện pháp cụ thể để tăng tỷ lệ doanh nghiệp “đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh” lên bằng và tiến tới cao hơn mức bình quân cả nước qua các năm.			Hàng năm
6	Có biện pháp cụ thể để tăng tỷ lệ doanh nghiệp “có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh” lên bằng và tiến tới cao hơn mức bình quân cả nước qua các năm.			Hàng năm
7	Có biện pháp cụ thể để giảm tỷ lệ doanh nghiệp được hỏi cho rằng “Phải chờ hơn 1 tháng hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động” qua các năm xuống dưới mức trung bình cả nước qua các năm tiến tới tỷ lệ này là 0%.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố	Từ năm 2023
8	Đưa tỷ lệ doanh nghiệp được hỏi cho rằng “Phải chờ hơn 3 tháng hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động” về mức 0%.			Từ năm 2023
9	Có biện pháp cụ thể để tăng tỷ lệ doanh nghiệp đăng ký qua phương thức trực tuyến lên bằng và tiến tới cao hơn mức bình quân cả nước qua các năm.			Hàng năm
10	Có biện pháp cụ thể để giảm tỷ lệ doanh nghiệp được hỏi cho rằng “Doanh nghiệp FDI được ưu tiên giải quyết các khó khăn hơn doanh nghiệp dân doanh”	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố	Hàng năm
				Hàng năm
				Hàng năm

	xuống thấp hơn mức trung bình của các nước qua các năm.			
11	Có biện pháp cụ thể để giảm tỷ lệ doanh nghiệp được hỏi cho rằng “Ưu đãi DN lớn (nhà nước và tư nhân) là trở ngại cho bản thân DN” xuống thấp hơn mức trung bình của các nước qua các năm.			Hàng năm
12	Có biện pháp cụ thể để tăng tỷ lệ doanh nghiệp được hỏi cho rằng “Thông tin mời thầu được công khai” lên bằng và tiến tới cao hơn mức trung bình của cả nước qua các năm.	Số Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban ngành tỉnh và UBND huyện, thị xã và thành phố	Hàng năm
13	Có biện pháp cụ thể để tăng tỷ lệ doanh nghiệp “đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm đối tác kinh doanh” lên bằng và tiến tới cao hơn mức bình quân cả nước qua các năm.	Các sở, ban ngành tỉnh và UBND huyện, thị xã và thành phố	Cơ quan, đơn vị có liên quan	
14	Có biện pháp cụ thể để tăng tỷ lệ doanh nghiệp “có ý định sử dụng dịch vụ tìm kiếm đối tác kinh doanh” lên bằng và tiến tới cao hơn mức bình quân cả nước qua các năm.			Hàng năm
15	Tiếp tục làm giảm “Số ngày chờ đợi để được cấp GCNQSDĐ” xuống dưới mức bình quân của cả nước qua các năm.			Năm 2022
16	Công bố bộ tiêu chuẩn số hoá bản đồ GIS. Trên cơ sở đó, cập nhật đầy đủ các dữ liệu về đất đai, các thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất làm cơ sở nền tảng cho các dữ liệu quy hoạch chuyên ngành.			Hàng năm
17	Có biện pháp giảm tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá rủi ro bị thu hồi đất xuống dưới mức bình quân của cả nước.	Số Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố.	Hàng năm
18	Nâng cao tỷ lệ doanh nghiệp trả lời “có mặt bằng kinh doanh và có GCNQSDĐ” lên cao hơn mức bình quân của cả nước qua các năm.			Hàng năm
19	Tiếp tục làm tăng tỷ lệ doanh nghiệp được hỏi cho rằng “Doanh nghiệp không gặp cản trở về tiếp cận/mở rộng mặt bằng kinh doanh” lên mức cao hơn bình quân của cả nước qua các năm.			Hàng năm
20	Xử lý triệt để để làm giảm tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng “có chi trả CPKCT trong thực hiện TTHC đất đai” xuống dưới mức bình quân của cả nước qua các năm.			Hàng năm
21	Tiếp tục làm giảm tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá “Không có GCNQSDĐ do lo ngại TTHC rườm rà/cản bộ những nhiễu” xuống dưới mức bình quân của cả			Hàng năm

	nước qua các năm.			
22	Chủ trì phối hợp các cơ quan liên quan duy trì và tăng cường các biện pháp kiểm soát chất lượng hồ sơ thiết kế, chất lượng thi công xây dựng công trình, trách nhiệm pháp lý của chủ thể tham gia xây dựng công trình.			Thường xuyên
23	Chủ trì giải quyết công khai các vướng mắc cho doanh nghiệp trong thực hiện cấp phép xây dựng và các thủ tục liên quan.	Sở Xây dựng	Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố.	Thường xuyên
24	Công khai các quy hoạch ngành đã được duyệt, rà soát và cắt giảm các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực xây dựng.			Thường xuyên
25	Có biện pháp cụ thể để cải thiện các dịch vụ pháp lý, công tác pháp chế để hỗ trợ doanh nghiệp nhằm làm giảm tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng “phải dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện quy định pháp luật” xuống dưới mức trung bình của cả nước qua các năm.	Sở Tư pháp	Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố.	Hàng năm
26	Có biện pháp cụ thể để nâng tỷ lệ doanh nghiệp “có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật” lên bằng và tiến tới cao hơn mức trung bình cả nước qua các năm.			Hàng năm
27	Có biện pháp cụ thể để nâng tỷ lệ doanh nghiệp “đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ tư vấn pháp luật” lên bằng và tiến tới cao hơn mức trung bình cả nước qua các năm.			Hàng năm
28	Tham mưu UBND tỉnh hệ thống hoá lại các công, trang thông tin của tỉnh. Trong đó lưu ý việc tự động hoá các dữ liệu cần phải công khai.	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh	Năm 2022
29	Tham mưu xây dựng App di động của tỉnh “Giám sát đầu tư” để theo dõi quy trình, giám sát tiến độ đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình đầu tư và hoạt động trên địa bàn tỉnh.		Văn phòng UBND tỉnh và Sở KHĐT	Năm 2021
30	Xây dựng hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin của riêng Tây Ninh sử dụng nền tảng mạng xã hội (Zalo hoặc Facebook...) để tiếp nhận toàn bộ các đánh giá, phản ánh của người dân, doanh nghiệp hàng ngày đối với cơ quan hành chính các cấp			
31	Là đầu mối theo dõi, đón tiếp, hướng dẫn và đánh giá hiệu quả việc cung cấp thông tin trên cổng thông tin của tỉnh và các trang web của sở, ngành, địa phương nhằm tăng cường tính minh bạch trong tiếp cận thông tin của các doanh			Thường xuyên

	nghiep, nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh			
32	Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm những cán bộ, công chức, viên chức lợi dụng vị trí việc làm gây nhũng nhiễu, tự ý đặt ra các khoản chi phí không chính thức gây khó khăn trong giải quyết thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp, nhà đầu tư để làm giảm tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá về việc phải trả các chi phí không chính thức khi thực hiện các công việc trên địa bàn tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố.	Liên tục
33	Tham mưu giải pháp nâng cao số lượng, hiệu quả các hội chợ thương mại do tỉnh tổ chức	Sở Công Thương	Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố.	Hàng năm
34	Có giải pháp nâng cao hiệu quả kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm thông tin thị trường thông qua hội nghị giao thương, kết nối cung cầu, tham gia hội chợ triển lãm trong và ngoài nước			
35	Có biện pháp cụ thể tạo điều kiện cho các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ liên quan đến công nghệ để làm tăng tỷ lệ doanh nghiệp trả lời “đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ liên quan tới công nghệ” và “có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ liên quan tới công nghệ” lên bằng với mức bình quân cả nước.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố.	Hàng năm
36	Có biện pháp để tăng “Tỷ lệ lao động qua đào tạo trên tổng lực lượng lao động” của doanh nghiệp qua các năm	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố	Hàng năm
37	Giới thiệu việc làm để tăng “Tỷ lệ lao động qua đào tạo đang làm việc tại doanh nghiệp” qua các năm trên địa bàn tỉnh			
38	Rà soát các thủ tục hành chính liên quan đến cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại các khu công nghiệp đảm bảo thuận tiện, nhanh chóng cho doanh nghiệp.	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố.	Thường xuyên

39	Nghiên cứu, tiếp tục cắt giảm thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư vào địa bàn khu công nghiệp, khu kinh tế nhằm giảm tới đa thời gian, chi phí cho nhà đầu tư, doanh nghiệp.			
40	Triển khai đánh giá việc thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư vào khu công nghiệp, khu kinh tế.	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố.	Thường xuyên
41	Công khai quỹ đất sạch trong khu công nghiệp, khu kinh tế theo các hình thức khác nhau để nhà đầu tư, doanh nghiệp biết.			
42	Dẫn tài công khai danh mục các dự án đầu tư chậm tiến độ, tạm ngừng không triển khai đầu tư trong địa bàn các khu công nghiệp, khu kinh tế trên cổng thông tin điện tử của Ban và thông tin đến các sở, ngành liên quan biết, phối hợp rà soát.			
43	Khắc phục hạn chế “Sổ giờ trung bình cho mỗi cuộc làm việc với thanh tra, kiểm tra thuế cao gấp 02 lần mức trung bình của cả nước”.	Cục Thuế tỉnh	Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố.	Thường xuyên
44	Phát huy hơn nữa vai trò, chức năng, nhiệm vụ của mình để hỗ trợ các doanh nghiệp. Triển khai các hoạt động hỗ trợ đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp thông qua các chương trình “Gặp mặt đối thoại doanh nghiệp”, “Café doanh nhân”..	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố.	Thường xuyên
45	Tổ chức thu thập ý kiến của các doanh nghiệp về phản biện chính sách của tỉnh. Tích cực tham gia, phối hợp chặt chẽ với cộng đồng doanh nghiệp, nhà đầu tư để nắm bắt những vướng mắc, khó khăn, bất cập trong thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng...phản ánh với các cơ quan có thẩm quyền xem xét, kịp thời tháo gỡ;	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố.	Thường xuyên
46	Tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chủ trương, chính sách của Trung ương, của Tỉnh.	UBND các huyện, thị xã và thành phố	Các cơ quan có liên quan	Thường xuyên
47	Gặp gỡ, tiếp xúc, đối thoại với các thành phần kinh tế, nhà đầu tư trên địa bàn để nắm bắt khó khăn, vướng mắc, kịp thời tháo gỡ.			Thường xuyên

II. Chỉ số ICT INDEX (Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng Công nghệ thông tin - Truyền thông Việt Nam)

1	- Theo dõi, giám sát việc công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống một cửa điện tử và Dịch vụ công trực tuyến. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông theo dõi tình hình thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị trong việc thực hiện cải thiện các chỉ số, báo cáo kết quả thực hiện trong các cuộc họp thường kỳ của tỉnh. - Tham mưu UBND tỉnh các nội dung, giải pháp nâng cao số lượng hồ sơ nộp và trả kết quả qua dịch vụ công trực tuyến tối thiểu đạt 50% số lượng hồ sơ trên tổng số lượng hồ sơ tiếp nhận.	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Các Sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố.	Hàng năm
2	- Chủ trì theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp, đảm bảo thời gian, tiến độ triển khai theo đúng với kế hoạch hàng năm thực hiện duy trì và cải thiện Chỉ số ICT index. - Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ giải pháp giữ vững các chỉ số thành phần đang có thứ hạng cao. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan cải thiện các chỉ số thành phần về đảm bảo an toàn thông tin và dịch vụ công trực tuyến. - Chủ trì xây dựng kế hoạch và triển khai tập huấn ATTT cho các CBCCVV trong toàn tỉnh để cải thiện chỉ số về đào tạo, tập huấn về CNTT và an toàn thông tin, đảm bảo 100% CBCCVV trên địa bàn tỉnh được tập huấn. - Tham mưu UBND tỉnh bổ sung, nâng cao số lượng cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin và an toàn thông tin tối thiểu đạt 02 người/đơn vị; Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh bổ sung cán bộ chuyên trách an toàn thông tin.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện và UBND cấp xã.	Hàng năm
3	Triển khai các ứng dụng cơ bản tại các cơ quan nhà nước đảm bảo 100% các hoạt động nghiệp vụ đều phải được ứng dụng công nghệ thông tin.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện và UBND cấp xã.	Thường xuyên
4	Xây dựng môi cơ quan, đơn vị đều phải có cơ sở dữ liệu chuyên ngành, đảm bảo 100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh phải có cơ sở dữ liệu chuyên ngành.			Trước 31/12/2021

	Trong đó, thực hiện số hoá kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo tỷ lệ 30%, 20%, 15% đối với kết quả thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã trong năm 2021.			
5	- Chủ trì, thực hiện các nhiệm vụ cải thiện chỉ số về hạ tầng nhân lực CNTT của xã hội: Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đi học được đến trường; Tỷ lệ người lớn biết đọc, biết viết. - Tham mưu UBND tỉnh tăng tỷ lệ các trường có dạy tin học lên đạt trên 90%.	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
6	- Tham mưu UBND tỉnh bổ sung cán bộ chuyên trách CNTT và An toàn thông tin (hiện chỉ có 3,8% trên tổng số CCVC) tối thiểu đạt 10%. - Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ CNTT và ANTT cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. - Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xây dựng tiêu chí đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức cuối năm, trong đó có nội dung đánh giá tiêu chí khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin của tỉnh trong hoạt động chuyên môn nghiệp vụ.	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.	Hàng năm
	- Tham mưu ưu tiên bố trí kinh phí cho CNTT, tối thiểu đạt 1% tổng chi ngân sách hàng năm.	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Thông tin và Truyền thông	Hàng năm
7	- Chủ trì việc cung cấp số liệu đảm bảo đầy đủ, kịp thời, chính xác các số liệu về: dân số, hộ gia đình, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, lao động trong doanh nghiệp, doanh nghiệp kinh doanh về lĩnh vực công nghệ thông tin và kết quả kinh doanh, thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước từ lĩnh vực công nghệ thông tin, gửi về Sở Thông tin và Truyền thông khi có yêu cầu.	Cục Thống kê, Cục thuế tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Hàng năm
8	- Xây dựng Kế hoạch hàng năm thực hiện duy trì và cải thiện chỉ số ICT INDEX theo chức năng, nhiệm vụ được giao. - Chủ trì, chịu trách nhiệm duy trì và cải thiện các chỉ số thành phần về: hạ tầng kỹ thuật trong cơ quan nhà nước (các giải pháp về phần mềm diệt virus, phòng chống mã độc cho máy tính, tăng cường các giải pháp về an toàn thông tin),	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Giai đoạn 2021-2025

	nguồn nhân lực CNTT, ứng dụng CNTT và Chỉ số thành phần dịch vụ công trực tuyến tại cơ quan, đơn vị.			
	- Tổ chức quản trị thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện chỉ số ICT Index năm 2021 và các năm tiếp theo; báo cáo kết quả hàng năm thực hiện các nhiệm vụ được giao về Sở TTTT tổng hợp; Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp số liệu về chỉ số ICT Index để báo cáo UBND tỉnh và Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, đánh giá.			
9	- Phát triển, nâng cao hạ tầng viễn thông để nâng cao số lượng người dân sử dụng Internet, đảm bảo đạt tỷ lệ tối thiểu 90% dân có Internet. Có chính sách ưu đãi cho người dân để kích cầu sử dụng dịch vụ 3G, 4G tiến tới 5G và băng rộng cố định. Phát triển nâng cao tỷ lệ số thuê bao băng rộng cố định đạt tối thiểu 45%; Giữ vững tỷ lệ thuê bao băng thông rộng di động có phát sinh lưu lượng. Đảm bảo các dịch vụ được cung cấp hoạt động ổn định, hiệu quả để nâng cao chỉ số hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng CNTT trong xã hội và trong các cơ quan nhà nước của tỉnh.	Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Giai đoạn 2021-2025
III. Chỉ số PAR INDEX (Chỉ số cải cách hành chính) và Chỉ số SIPAS				
1	Căn cứ kết quả công bố của Bộ Nội vụ đối với Chỉ số CCHC năm 2020 của tỉnh, khảo trương chỉ đạo và rà soát, xác định rõ những hạn chế, yếu kém kéo dài nhiều năm nhưng đến nay chưa khắc phục được, đề ra giải pháp, biện pháp có kế hoạch khắc phục triệt để những hạn chế, yếu kém nêu trên nhằm cải thiện mạnh mẽ chỉ số CCHC của từng cơ quan, đơn vị góp phần nâng cao chỉ số CCHC của tỉnh trong thời gian tới.	Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố	Cơ quan có liên quan	Trước ngày 31/12/2021
2	Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả, đúng trọng tâm công tác CCHC và kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC), tổ chức triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông ở từng cơ quan, địa phương.	Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố	Cơ quan có liên quan	Thường xuyên
3	Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành về CCHC và kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế cửa liên thông gắn kết chặt chẽ giữa các cơ quan bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong triển khai, thực hiện nhiệm vụ CCHC của từng ngành, địa phương.			Thường xuyên

4	Thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền, giáo dục đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao trách nhiệm trong tiếp nhận, giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp, không đùn đẩy, không được yêu cầu người dân, doanh nghiệp thực hiện thay nhiệm vụ của công chức, viên chức		Thường xuyên
5	Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện xử lý nghiêm minh những cán bộ, công chức, viên chức có hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, không thực hiện hoặc thực hiện mang tính hình thức, đối phó.		Thường xuyên
6	Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị cần quan tâm, thường xuyên kiểm tra công tác tiếp nhận, xử lý và trả kết quả giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông.		Thường xuyên
7	Nghiên cứu, phát huy mạnh mẽ tính sáng tạo, đột phá để thực hiện thí điểm tại cơ quan, đơn vị và nhân rộng trên toàn tỉnh nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác CCHC của tỉnh.		Thường xuyên
8	Khắc phục việc giải quyết các hồ sơ TTHC trễ hạn cho người dân, tổ chức, trường hợp trễ hạn (với lý do chính đáng) phải có thư xin lỗi người dân và phải có báo cáo giải trình cụ thể nội dung giải quyết trễ hạn.		Thường xuyên
9	Đổi mới các phần ảnh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức phải trả lời đúng, đủ, kịp thời các nội dung phần ảnh; đồng thời phải cập nhật, công khai nội dung đã trả lời lên Trang thông tin điện tử của sở ngành hoặc Cổng Thông tin điện tử của tỉnh để cả nhân, tổ chức biết		Thường xuyên
10	Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị xã hội để thường xuyên tuyên truyền đến người dân, doanh nghiệp về công tác CCHC; khảo sát quá trình thực hiện CCHC tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh		Thường xuyên
11	Theo dõi, nhắc các cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện đúng thời gian các nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cho UBND tỉnh; việc triển khai thực hiện Kế hoạch CCHC hàng năm.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố. Thường xuyên
12	Rà soát, thẩm định và thông qua phương án đơn giản hóa TTHC theo ngành, lĩnh vực theo kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt thực hiện trên địa bàn tỉnh	Các sở, ban ngành tỉnh và	Trước ngày 10/10/2021.

	năm 2021.		UBND các huyện, thị xã và thành phố.	Thường xuyên
13	Tham mưu thi điểm thành lập một số Bộ phận Một cửa khu vực gắn với việc tiếp nhận, giải quyết các TTHC theo hướng phi địa giới hành chính.		Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố.	Thường xuyên
14	Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông kiểm tra, theo dõi việc công khai TTHC trên Cổng thông tin điện tử (TTĐT) của tỉnh và Trang Thông tin điện tử của các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh; tham mưu UBND tỉnh nhắc nhở các cơ quan, đơn vị chưa cập nhật kịp thời các văn bản của Trung ương quy định về TTHC thuộc thẩm quyền tham mưu, giải quyết của cơ quan, đơn vị đó.		Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố.	Thường xuyên
15	Tham mưu UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí đánh giá kết quả Chi số CCHC của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, trong đó lồng ghép việc đánh giá thực hiện các nhiệm vụ Chi số PAPI và PCI.		Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố.	Hàng năm, bắt đầu từ năm 2022
16	Trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách hỗ trợ cho đội ngũ CBCCVCLàm công tác CCHC.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố.	Thường xuyên
17	Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương thường xuyên rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của tỉnh; xử lý kịp thời các văn bản phát hiện sai phạm qua kiểm tra.	Sở Tư pháp	Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố.	Thường xuyên
18	Không thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính khi chưa có ý kiến của cơ quan, đơn vị kiểm soát thủ tục hành chính theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 11 của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP (Chỉ		Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các	Thường xuyên

	thị số 1722/CT-TTg ngày 17/9/2010).		huyện, thị xã và thành phố.	Thường xuyên
19	Đối với các văn bản quy phạm pháp luật do tỉnh ban hành có tác động, ảnh hưởng đến đa số người dân, tổ chức thì đơn vị tham mưu soạn thảo phải thực hiện lấy ý kiến góp ý đúng quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật		Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố.	Thường xuyên
20	Tăng cường công tác kiểm tra công vụ, công chức tại cơ quan hành chính chính các cấp đảm bảo theo quy định. Tiếp tục tham mưu triển khai có hiệu quả chính sách tinh giản biên chế theo quy định và kế hoạch của tỉnh đã đề ra		Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố.	Thường xuyên
21	Tiếp tục tham mưu nhiều giải pháp thực hiện có hiệu quả và đảm bảo chất lượng các mục tiêu sắp xếp, kiện toàn tổ chức, bộ máy của cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng lộ trình của tỉnh, quy định của cơ quan Trung ương.		Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố.	Thường xuyên
22	Tham mưu đẩy mạnh việc phân cấp trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh theo quy định.	Sở Nội vụ	Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố.	Thường xuyên
23	Thành lập Đoàn thanh tra, kiểm tra toàn bộ việc bố trí công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo đề án vị trí việc làm đã được UBND tỉnh phê duyệt. Chấn chỉnh, khắc phục ngay tình trạng bố trí không đúng đề án đã phê duyệt		Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố.	Thường xuyên
24	Theo dõi, quản lý chặt chẽ việc thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị.		Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố.	Thường xuyên

25	Rà soát lại quy trình bổ nhiệm lãnh đạo quản lý của các sở ngành và UBND cấp huyện, đảm bảo đúng quy định của pháp luật		Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố.	Thường xuyên
26	Chủ trì phối hợp với cơ quan Mặt trận Tổ quốc tổ chức cuộc khảo sát, lấy ý kiến người dân, tổ chức liên quan đến công tác quản lý cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh để có cơ sở điều chỉnh, hoàn thiện hơn.			Thường xuyên
27	Mạnh dạn, chủ động tham mưu thi điểm những cách làm mới, mô hình hay, đột phá về công tác cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh có chính sách cụ thể (hỗ trợ kinh phí) cho đội ngũ CBCCVCLàm chuyên trách về CCHC, trực tại Bộ phận Một cửa và đội ngũ những chuyên viên chuyên trách về CNTT của tỉnh.		Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố.	Thường xuyên
28	Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá cụ thể đối với đội ngũ CBCCVCLà của tỉnh để Sở Thông tin và Truyền thông số hóa lên Hệ thống tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của tỉnh.	Sở Nội vụ		Thường xuyên
29	Phối hợp với Trường Chính trị tỉnh đưa các nội dung giảng dạy, bồi dưỡng CBCCVCLà hàng năm trong đó có nội giảng dạy, bồi dưỡng về việc tìm hiểu các chỉ số phản ánh nền hành chính của tỉnh.			Thường xuyên
30	Chủ trì, phối hợp Văn phòng UBND tỉnh rà soát, đưa vào quy chế thi đua - khen thưởng của tỉnh đối với công tác CCHC, trong đó lấy kết quả công tác CCHC hàng năm là tiêu chí đầu tiên để xem xét quyết định việc thi đua, khen thưởng và xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các tập thể, cá nhân, đặc biệt là người đứng đầu của từng cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh			
31	Tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản QPPL về lĩnh vực tài chính kịp thời, đúng quy định	Sở Tài chính	Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố.	Thường xuyên
32	Rà soát và hướng dẫn, khuyến khích các cơ quan, đơn vị hoặc tham mưu UBND tỉnh quyết định giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho một số cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh			Thường xuyên
33	Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tăng cường công tác tuyên truyền; đề	Sở Thông tin	Các sở, ban	Thường xuyên

	xuất giải pháp để khuyến khích người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến, nộp - trả hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích.	và Truyền thông	ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố.	
34	Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội do Hội đồng nhân dân tỉnh giao hàng năm, có đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ này đối với các cơ quan, địa phương.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố.	Thường xuyên
35	Hướng dẫn cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện phân cấp, phân quyền, ủy quyền đối với việc giải quyết các TTHC có tần xuất lớn theo quy định của pháp luật	Sở Tư pháp	Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố.	Thường xuyên
36	Dành chuyên trang, chuyên mục và nhiều thời lượng để thông tin, tuyên truyền tới người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội về công tác CCHC, kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh theo quy định.	Báo Tây Ninh, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh và các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh	Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố.	Thường xuyên
IV. Chỉ số PAPI (Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh)				
1	Tham gia của người dân ở cấp cơ sở			
1.1	Tri thức công dân - Thực hiện tuyên truyền, cập nhật thông tin về lãnh đạo các cấp, xây dựng các chuyên mục hỏi đáp về chính sách, pháp luật trên Đài truyền thanh cấp huyện, cấp xã, Bảng tin công cộng, Bản tin thông tin cơ sở, tài liệu thông tin cơ sở và các hình thức thông tin cơ sở khác...	UBND cấp huyện, cấp xã, các cơ quan truyền thông	Sở Tư pháp	Định kỳ hàng tháng

1.2	Cơ hội tham gia - Giới thiệu các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, đoàn thể trên địa bàn dân cư (cơ cấu tổ chức, mục đích hoạt động, nội dung hoạt động, kế hoạch hoạt động, đầu mối liên hệ) để người dân có nhu cầu đăng ký tham gia.	UBND cấp huyện, cấp xã	Các cơ quan có liên quan	Thường xuyên
	- Tuyên truyền phổ biến thông tin về bầu cử đại biểu HĐND các cấp, đại biểu Quốc hội.	UBND cấp huyện, cấp xã	Các cơ quan có liên quan	Trước, trong, sau bầu cử
1.3	Chất lượng bầu cử trường ấp, tổ trưởng dân phố - Thực hiện tuyên truyền, phổ biến quy chế hoạt động ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh; tuyên truyền để nhân dân nhận thức được quyền và nghĩa vụ của công dân tham gia bầu trường ấp, trưởng dân phố	UBND cấp xã	Các cơ quan có liên quan	Định kỳ hàng tháng
1.4	Đóng góp tự nguyện - Thực hiện công khai danh mục các dự án, các công việc cần kêu gọi người dân cùng tham gia đóng góp tự nguyện. - Lấy ý kiến người dân đối với việc tham gia đóng góp tự nguyện để thực hiện nhiệm vụ, dự án công cộng. - Hướng dẫn, tạo điều kiện Ban Giám sát đầu tư cộng đồng hoạt động hiệu quả.	UBND cấp xã	Các cơ quan có liên quan	Thường xuyên
2	Công khai, minh bạch			
	Tiếp cận thông tin - Thực hiện tốt quy định về tiếp dân thường xuyên, tiếp xúc cử tri định kỳ. - Công khai minh bạch về hoạt động của cơ quan, tổ chức theo quy định của Luật Phòng chống tham nhũng để người dân có được thông tin. - Thực hiện tốt các quy định về công khai thông tin theo quy định tại Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11, đặc biệt là chính sách pháp luật. - Nâng cao hiệu quả, thiết thực trong niềm yết quy trình, thủ tục giải quyết TTHC.	Sở, ban ngành tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã	Các cơ quan có liên quan	Định kỳ theo quy định
2.2	Công khai minh bạch danh sách hộ nghèo - Rà soát, thực hiện bình xét, tổng hợp, công khai danh sách hộ nghèo tại trụ sở UBND cấp xã, điểm sinh hoạt cộng đồng ấp, tổ dân phố, khu dân cư... theo quy	UBND cấp xã	Các cơ quan có liên quan	Định kỳ theo quy định

	định. - Công khai kịp thời những thông tin về chính sách cho người nghèo để nhân dân biết, nhân dân bàn, giám sát thực hiện. - Thường xuyên tiếp thu ý kiến đóng góp, kiến nghị, thắc mắc của người dân; thực hiện giải đáp, xử lý, điều chỉnh kịp thời, đúng quy định những ý kiến của người dân;			
2.3	Công khai thu/chi ngân sách xã, phường, thị trấn	UBND cấp xã	Các cơ quan có liên quan	Định kỳ theo quy định
2.4	Công khai Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, khung giá bồi thường đất (Lấy ý kiến, thông tin cho người dân có liên quan, ảnh hưởng theo quy định...)	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND cấp huyện, cấp xã, các cơ quan có liên quan	Khi cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền
3	Trách nhiệm giải trình với người dân			
3.1	Mức độ và hiệu quả trong tiếp xúc với chính quyền Tương tác giữa chính quyền và nhân dân luôn kịp thời, giải quyết các khúc mắc của người dân nhanh chóng	UBND cấp huyện, cấp xã	Các cơ quan có liên quan	Thường xuyên
3.2	Tiếp nhận và chuyển cơ quan có thẩm quyền để giải quyết kịp thời các phản ánh khiếu nại, tố cáo của người dân, tổ chức	Ban Tiếp công dân tỉnh	Các sở, ngành có liên quan, UBND cấp huyện, cấp xã	Thường xuyên
3.3	Tiếp cận dịch vụ tư pháp - Tăng cường công tác tuyên truyền, thông tin phổ biến pháp luật tới người dân, đẩy mạnh các mô hình, hoạt động trợ giúp pháp lý.	Sở Tư pháp	UBND cấp huyện, cấp xã, các cơ quan có liên quan	Thường xuyên
4	Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công			
4.1	Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền địa phương - Tăng cường thanh tra, kiểm tra định kỳ, sử dụng và quản lý ngân sách, công quỹ. - Kiểm tra việc thực hiện kết luận các cuộc thanh tra, kiểm tra trước đây; kiến	Sở Tài chính	UBND cấp huyện, cấp xã, các cơ quan có liên quan	Thường xuyên

	ngợi xử lý nghiêm đối với các trường hợp tái phạm hoặc chậm khắc phục, không thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực tài chính.			
	- Kiểm đột xuất về kỷ cương hành chính, thực thi công vụ, tập trung vào việc giải quyết TTHC, kiện nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo thuộc lĩnh vực đất đai, xây dựng,... trên địa bàn cấp huyện, cấp xã	- Sở Nội vụ; - Văn phòng UBND tỉnh <i>(Về cơ chế một cửa, một cửa liên thông)</i>	Các sở, ngành có liên quan, UBND cấp huyện, cấp xã	
4.2	Kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công Y tế - Tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác chữa bệnh, thực hiện quy chế chuyên môn của Bộ Y tế ở các bệnh viện công lập, tăng cường các kênh tiếp nhận thông tin của người dân đối với chất lượng, thái độ phục vụ của các cơ sở y tế; xử lý kịp thời các vụ việc, hành vi tiêu cực; thông tin, công khai rộng rãi tới người dân. - Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của nhân viên y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh	Sở Y tế	Cơ quan có liên quan	Thường xuyên, theo chỉ đạo
	Kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công Giáo dục - Tăng cường thanh tra, kiểm tra các cơ sở giáo dục tiểu học công lập; tăng cường các kênh tiếp nhận thông tin của người dân đối với cơ sở vật chất, chất lượng giáo dục, đội ngũ giáo viên của các trường tiểu học trên địa bàn, xử lý kịp thời các vụ việc, hành vi tiêu cực; thông tin, công khai rộng rãi tới người dân.	Sở Giáo dục - Đào tạo	UBND cấp huyện	Thường xuyên
4.3	Thực hiện tốt công tác tuyên dụng vào khu vực công - Công khai minh bạch các bước theo quy định trong tuyển dụng. - Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra tuyển dụng. - Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện xác định vị trí việc làm, xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực gắn liền với từng vị trí để làm căn cứ khoa học, khách quan cho hoạt động tuyển dụng; phân loại vị trí việc làm để xác định phương thức và quy trình tuyển dụng phù hợp với đặc thù của từng loại vị trí; đánh giá CBCCVN, thực hiện tình gián biên chế, sàng lọc, miễn nhiệm, thay thế.	Sở Nội vụ	UBND cấp huyện, các cơ quan có liên quan	Định kỳ theo quy định
4.4	Quyết tâm chống tham nhũng của chính quyền địa phương - Tăng cường tuyên truyền tới người dân về những nỗ lực của chính quyền; những kết quả đạt được trong công tác phòng chống tham nhũng, tạo sự tin	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp	Thường xuyên

	tướng trong người dân về quyết tâm phòng chống tham nhũng của các cấp chính quyền, các ngành. - Tăng cường các kênh tiếp nhận thông tin của người dân về hiện tượng tham nhũng; xác minh, xử lý kịp thời. - Công khai rộng rãi, kết quả xử lý các vụ việc tham nhũng.	huyện, cấp xã	
5	Thủ tục hành chính công - Tăng cường kiểm tra việc cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết TTHC gắn với đơn giản hóa TTHC; - Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, tăng số lượng các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ 3,4. - Bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng đội ngũ công chức cấp huyện, cấp xã ở bộ phận tiếp nhận và giải quyết TTHC. - Đo lường sự hài lòng của người dân đối với việc giải quyết TTHC (trong đó bắt buộc thực hiện ở 3 lĩnh vực: cấp phép xây dựng; cấp GCN quyền sử dụng đất và một số TTHC thường xuyên giao dịch của lĩnh vực môi trường, khoáng sản).	Văn phòng UBND tỉnh	UBND cấp huyện, cấp xã Kiểm tra thường xuyên, Khảo sát hàng năm/lần năm
5.1	Nâng cao chất lượng dịch vụ chứng thực của chính quyền các cấp	Sở Tư pháp	UBND cấp huyện, cấp xã Thường xuyên
5.2	Đơn giản hóa TTHC, thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong TTHC về cấp giấy phép xây dựng.	Sở Xây dựng	UBND cấp huyện Thường xuyên
5.3	Đơn giản hóa TTHC, thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong TTHC về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND cấp huyện, cấp xã Thường xuyên
5.4	Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính ở cấp xã	UBND cấp xã	Cơ quan có liên quan Thường xuyên
6	Cung ứng dịch vụ công		
6.1	Dịch vụ y tế công lập - Tăng cường công tác tuyên truyền cho chủ lao động và người lao động, HS, SV, Hội phụ nữ, Hội nông dân chính sách pháp luật và tầm quan trọng của việc tham gia BHYT.	Sở Y tế	Sở LĐTBXH, Tư pháp, UBND cấp huyện, cấp xã Thường xuyên, định kỳ theo quy định

	- Mở rộng các hình thức vận động mua BHYT, tạo thuận lợi đối với người tham gia BHYT. - Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho người dân. - Miễn phí khám chữa bệnh trẻ em dưới 6 tuổi.			
6.2	Giáo dục tiểu học công lập - Đầu tư trang thiết bị, đồ dùng dạy học theo hướng đồng bộ, hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin để đổi mới phương pháp dạy của giáo viên theo hướng phát huy vai trò chủ động, tích cực của học sinh, tạo điều kiện để học sinh bộc lộ tư duy và khả năng. - Đảm bảo đủ trường, lớp học phù hợp với phân bố dân cư; - Tăng cường cơ sở vật chất kiên cố hóa, hiện đại hóa từ nhà vệ sinh, đến lớp học, trường học. - Tạo điều kiện để người dân giám sát của về chất lượng giáo dục, kết quả đầu ra của các trường tiểu học; - Xếp loại các trường theo nhóm và công khai để người dân và xã hội được biết.	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND cấp huyện - UBND cấp huyện, UBND cấp xã phối hợp với MTTQ và các đoàn thể	Theo kế hoạch, chương trình được phê duyệt.
6.3	Cơ sở hạ tầng căn bản - Đẩy mạnh tiến độ các công trình lưới điện trọng điểm; tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Sở, ban, ngành, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả. - Kiểm tra, đón đốc công tác quản lý, duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố; quản lý vận hành các khu xử lý chất thải. - Hoàn thành mạng cấp nước tới các các địa bàn có nhu cầu cấp nước.	Sở Công Thương	UBND cấp huyện	Theo kế hoạch, chương trình được phê duyệt
	An ninh, trật tự khu dân cư - Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động thực hiện các chương trình phối hợp hoạt động giữa chính quyền cơ sở, các đoàn thể và nhân dân trong công tác xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh. - Tiếp tục đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc, phòng chống tội phạm. - Duy trì các mô hình tự quản hiệu quả tại các khu dân cư.	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND cấp huyện, cấp xã	Thường xuyên và theo chương trình
6.4		Công an tỉnh	UBND cấp huyện, cấp xã, các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
7	Quản trị môi trường			

7.1	Nghiêm túc trong bảo vệ môi trường - Tăng cường quản lý nhà nước (Kiểm tra, xử lý nghiêm) về lĩnh vực môi trường trên địa bàn đối với các doanh nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất. - Tăng cường kiểm tra, rà soát các doanh nghiệp, cụm, khu công nghiệp có nước thải đạt tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Xây dựng, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã	Thường xuyên, theo kế hoạch, chương trình
7.2	Chất lượng nước, chất lượng không khí - Lập danh mục và di dời các cơ sở sản xuất không phù hợp quy hoạch ra khỏi khu vực nội thị; - Rà soát các cơ sở sản xuất có sử dụng hóa chất, nguy cơ cháy nổ cao, ô nhiễm môi trường chủ động sẵn sàng phương án khắc phục khi có sự cố.	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND cấp huyện, cấp xã	Thường xuyên
8	Quản trị điện tử			
8.1	Tiếp cận thông tin của người dân và phản hồi của chính quyền đối với câu hỏi, yêu cầu của người dân trên Cổng điện tử của chính quyền - Tăng cường phổ biến đến người dân biết và sử dụng Cổng TTTĐT của UBND tỉnh và trang thông tin các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh. - Nâng cao chất lượng, đổi mới giao diện theo hướng thân thiện, dễ tiếp cận; - Tiếp nhận đầy đủ ý kiến, câu hỏi, yêu cầu của người dân trên cổng của UBND tỉnh và phản hồi kịp thời phúc đáp, trả lời, thông tin về kết quả giải quyết, xử lý tới người dân và trên Cổng TTTĐT tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Thông tin-Truyền thông, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan có liên quan	Thường xuyên
8.2	Tiếp cận và sử dụng Internet tại địa phương - Tuyên truyền tới người dân về tiện ích mạng Internet, nâng cao nhận thức và hành vi sử dụng mạng Internet hiệu quả, văn minh, đúng pháp luật. - Phối hợp với các nhà cung cấp dịch vụ đảm bảo chất lượng dịch vụ và các cơ chế khuyến khích người dân sử dụng.	Sở Thông tin và truyền thông	Các cơ quan có liên quan	Thường xuyên